TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày: 27/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Tuấn.

Ông Nguyễn Bá Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dương Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn C, sinh ngày 03/9/1983 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và con bà Vũ Thị C; bị cáo có vợ và 02 con;

Tiền án: Bản án số 32 ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000 đồng, khấu trừ 10% thu nhập/tháng về tội Đánh bạc, phải thi hành án phí HSST 200.000 đồng. Đã thi hành xong khoản án phí HSST, còn lại chưa thi hành các khoản phạt bổ sung 10.000.000 đồng, khấu trừ 10% thu nhập/tháng.

Tiền sự: không

Nhân thân: Bản án số 08 ngày 10/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc.

Bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 27/12/2021 đến ngày 31/01/2022 chuyển tạm giam. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình theo Quyết định tạm giam số 14/2022/HSST-QĐTG ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

+ Bị hại: ông Dương Thanh B, sinh năm 1970; Địa chỉ: tổ 3, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Quang Tr, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm 3, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1965. Địa chỉ: xóm 3, xã, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; (có mặt)

+ Người làm chứng: ông Vũ Tiến D, sinh năm 1968; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Dương Thanh B làm nghề kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái và là chủ sở hữu xe ô tô nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 màu sơn xanh.

Khoảng 16 giờ ngày 10/01/2021 Phạm Văn C đến nhà ông Dương Thanh B hỏi thuê xe ô tô. Ông B thỏa thuận cho C thuê chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 đến ngày 10/5/2021 (có hợp đồng bằng văn bản) với giá thuê xe một ngày là 800.000 đồng, tổng số tiền C phải thanh toán cho ông B là 96.000.000 đồng. Khi giao xe cho C thuê, ông B giữ lại đăng ký xe ô tô bản gốc và chỉ đưa cho C các giấy tờ của xe gồm: 01 bản photocoy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm kỹ thuật an toàn phương tiện và 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc.

Sau khi thuê được xe ô tô, Phạm Văn C sử dụng xe ô tô vào việc đi lại cá nhân. Trong thời gian thuê xe ô tô của ông B, Phạm Văn C đã nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 của ông B để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Qua giới thiệu của ông Vũ Tiến D (sinh năm 1968, trú tại tổ dân phố H, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) có quan hệ quen biết với C, nên Phạm Văn C biết bà Lê Thị Th có nhu cầu mua xe ô tô cũ. Ngày 02/3/2021, Phạm Văn C đi xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 đến của nhà bà Lê Thị Th và nói dối bà Th chiếc xe ô tô này là của C, rồi thỏa thuận bán chiếc xe này cho bà Th với giá 330.000.000 đồng. Khi bán xe ô tô cho bà Th, C không có giấy đăng ký xe gốc nên bà Th đưa trước cho C số tiền 200.000.000 đồng, khi nào C đưa đăng ký gốc thì bà Th sẽ thanh toán số tiền còn lại 130.000.000 đồng cho C.

Sau khi bán xe cho bà Th lấy được số tiền 200.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 02/3/2021 đến ngày 10/5/2021 C nói dối ông B là C vẫn đang sử dụng chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 thuê của ông B và trả tiền thuê xe cho ông B với tổng số tiền đã trả là 80.000.000 đồng. Khi ông B yêu cầu mang xe về để kiểm tra thì C không mang về. Cùng thời gian này, C nói dối bà Th là C đang có việc bận nên không đem đăng ký xe đến cho bà Th được. Sau nhiều lần ông B gọi điện thoại thúc giục thì C hứa với ông B đến chiều ngày 10/5/2021 sẽ mang xe về để trả và thanh toán hợp đồng với ông B nhưng C không đến.

Ngày 11/5/2021 không thấy C trả lại xe ô tô theo thỏa thuận, ông B đã nhiều lần gọi điện thoại nhưng không liên lạc được với C, ông B nhiều lần đến nhà C tìm nhưng C không có mặt ở nhà, không biết C làm gì ở đâu. Ngày 18/5/2021 ông Dương Thanh B đã gửi đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành

phố T để tố cáo Phạm Văn C về hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 của mình.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành điều tra, xác minh phát hiện chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 do gia đình vợ chồng bà Lê Thị Th, ông Đinh Quang Tr đang quản lý. Ngày 19/5/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã thu giữ đối với chiếc xe xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 cùng giấy tờ xe có liên quan do bà Lê Thị Th giao nộp gồm: 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự số 0098539, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 4512483, 01 bản photocopy giấy đăng ký xe ô tô 33M – 3207 và 01 bản hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 02/3/2021.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207. Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐG ngày 09/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T xác định: xe ô tô nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 màu sơn xanh có giá trị là 349.300.000 đồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Văn C bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định truy nã số 02/QĐTN ngày 29/8/2021 đối với Phạm Văn C. Hết thời hạn điều tra, chưa bắt được bị cáo nên ngày 17/01/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can số 01 đối với Phạm Văn C. Ngày 27/01/2022 Phạm Văn C bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T. Ngày 31/01/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án số 01 và quyết định phục hồi điều tra bị can số 01 đối với C về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT – VKS ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn C ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản " theo khoản 3 điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, xem xét hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ".

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn C.

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn C từ **6 (sáu)** năm **06 (sáu) t**háng đến **07 (bẩy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 27/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 127 và 131 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Văn C có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Th và ông Đinh Quang Tr số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 màu sơn xanh. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô là tài sản hợp pháp của ông Dương Thanh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại xe ô tô kèm theo giấy tờ xe có liên quan cho ông B. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Trong quá trình điều tra, bị hại ông Dương Thanh B trình bày: chiều ngày 10/01/2021 Phạm Văn C đến nhà ông hỏi thuê xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 nhãn hiệu honda CRV màu xanh, ông đồng ý sau đó hai bên thỏa thuận giá cho thuê là 800.000 đồng/ngày, xăng xe người thuê tự đổ, C đồng ý thuê sau đó ông và Phạm Văn C làm hợp đồng thuê xe ghi ngày 10/01/2021 đồng thời C đặt cọc cho ông số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi thuê xe khoảng 3 ngày thì C điện thoại cho ông hỏi thuê chiếc xe ô tô này đến hết ngày 10/5/2021 ông đồng ý. Hàng tháng thì C vẫn trả tiền thuê xe cho ông. Khi hết thời hạn thuê xe ông liên lạc với C nhiều lần yêu cầu mang xe về trả nhưng C vẫn khất lần không mang xe về trả, sau này ông không liên lạc được với C, ông xuống nhà tìm C nhưng không được nên ông đã làm đơn trình báo Cơ quan công an.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Th trình bày: ngày 02/3/2022 anh Vũ Tiến D là người quen của bà điện thoại nói là có một người có xe ô tô muốn cầm cố hỏi có nhận không thì bà có nói nếu bán thì mua chứ không cầm cố, sau đó D dẫn C lên nhà bà. Hai bên thỏa thuận giá trị chiếc ô tô là 330.000.000 đồng, do xe không có giấy đăng ký gốc nên bà trả trước cho C số tiền 200.000.000 đồng còn lại 130.000.000 đồng khi nào C đưa giấy tờ gốc thì bà sẽ thanh toán số tiền còn lại cho C đồng thời giữa hai bên làm hợp đồng mua bán xe. Sau khi mua xe của C được một thời gian ngắn bà liên lạc với C dục mang giấy đăng ký xe về giao cho bà nhưng C khất lần không đem về và đến ngày 13/5/2021 thì bà không liên lạc được với C nữa.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của bị cáo bị truy tố như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và vật chứng đã thu giữ. Mặt khác được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận: để có tiền tiêu sài cá nhân, nên sau khi thuê xe ô tô biển kiểm soát 33M –

3207 nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 trị giá 349.300.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm nghìn đồng) của ông Dương Thanh B, Phạm Văn C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô. Ngày 02/3/2021, tại xóm 3, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn C đã bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 cho bà Lê Thị Th được số tiền 200.000.000 đồng, C đã sử dụng tiêu sài hết. Do đó hành vi của bị cáo Phạm Văn C đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều 175.Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1. …

2. . . .

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

4. . . .

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Từ căn cứ trên thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố bị cáo Phạm Văn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố T. Do đó cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Văn C là người trưởng thành nhưng không chịu tu dưỡng bản thân, vì vậy khi không có tiền tiêu sài bị cáo lợi dụng lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bán để lấy tiền tiêu sài để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Phạm Văn C đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có bố là người có công được tặng thưởng huy chương kháng chiến và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[3] Về nhân thân: bị cáo Phạm Văn C có nhân thân xấu, đã hai lần bị kết án về tội đánh bạc.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ nghiêm để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Do bị cáo Phạm Văn C là lao động tự do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn do đó đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn C.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với tiền thuê xe ô tô theo thỏa thuận trong thời gian từ ngày 10/01/2021 đến ngày 10/5/2021 Phạm Văn C đã thanh toán cho ông Dương Thanh B số tiền 80.000.000 đồng, còn lại số tiền 16.000.000 đồng, ông B không yêu cầu Phạm Văn C phải thanh toán và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền 200.000.000 đồng do Phạm Văn C có được từ việc bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 33M – 3207 cho bà Lê Thị Th do hợp đồng mua bán trái pháp luật, chiếc xe ô tô bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T thu giữ và trả lại cho bị hại là ông Dương Thanh B. Trong quá trình điều tra truy tố bà Lê Thị Th và ông Đinh Quang Tr yêu cầu bị cáo Phạm Văn C phải trả lại cho ông, bà số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tại phiên Tòa bà Lê Thị Th chỉ yêu cầu bị cáo có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), ngoài ra bà Th không yêu cầu giải quyết bất kỳ vấn đề nào khác. Việc yêu cầu của bà Th là có căn cứ do vậy nay cần buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho ông Tr, bà Th số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là đúng theo quy định của pháp luật

[7] ***Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:***

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 màu sơn xanh. Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô là tài sản hợp pháp của ông Dương Thanh B nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại xe ô tô kèm theo giấy tờ xe có liên quan cho ông B là đúng theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với ông Vũ Tiến D là người giới thiệu cho Phạm Văn C đến gặp bà Lê Thị Th để bán xe ô tô nhưng ông D chỉ nghe C nói chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hoda CR- V biển kiểm soát 33M – 3207 là tài sản của C, không biết nguồn gốc xe ô tô do C đi thuê của ông Dương Thanh B. Do vậy ông Vũ Tiến D không vi phạm pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và

những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[9] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo C có trách nhiệm hoàn trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 175; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Công.

- Căn cứ các điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 127 và 131 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự:

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn C phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo: Phạm Văn C **6 (sáu)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 27/01/2022

2/ Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Phạm Văn C có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị Th và ông Đinh Quang Tr số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3/ Về án phí:

Buộc bị cáo Phạm Văn C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú